TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 499/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2026
V/v không công nhận quan hệ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thống
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Sơn
2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1244/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2026 về tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Sương V, sinh năm 1964, Căn cước số 079164011454
Thường trú: 79/83/12A Bùi Quang L, khu phố 11, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chỗ ở: 91/22/41 Phạm Văn Chiêu, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Phước M, sinh năm 1963, Căn cước công dân số 052063000115
Địa chỉ: C Nguyễn Thị H, ấp H, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) đề ngày 05/5/2026 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Sương V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Sương V và ông Phạm Phước M chung sống từ đầu năm 1988 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn bà và ông M về sống tại nhà gia đình bên bà V vài năm sau đó thuê nhà để ở. Trong quá trình chung sống, hai năm đầu tương đối hạnh phúc, sau đó cả hai xảy ra mâu thuẫn từ năm 1990, gia đình không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, cả hai sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Cuộc sống của cả hai không còn hạnh phúc nên bà V nghĩ giữa hai người không còn

tình cảm cũng như hiện nay đã sống ly thân. Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông M, bà V đã suy nghĩ kỹ.

Về con chung: Bà V và ông M chung sống có 03 (ba) con chung tên Phạm Thị Hoàng A, sinh năm 1988; Phạm Phước T, sinh năm 1990 và Phạm Gia A1, sinh năm 1994 (tất cả đều trưởng thành) tự lao động sinh sống được và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà V khai không có.

Về nợ chung: Bà V khai không có.

Bị đơn: Ông Phạm Phước M trình bày, thống nhất với lời trình bày của bà V về thời gian chung sống, tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Nay nguyện vọng của ông M là đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà V, ông M đã suy nghĩ kỹ.

Về con chung: Ông M và bà V chung sống có 03 (ba) con chung tên Phạm Thị Hoàng A, sinh năm 1988; Phạm Phước T, sinh năm 1990 và Phạm Gia A1, sinh năm 1994 (tất cả đều trưởng thành) tự lao động sinh sống được và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông M khai không có.

Về nợ chung: Ông M khai không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Sương V và ông Phạm Phước M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trần Sương V và những lời khai trước tòa yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì quan hệ tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Phước M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Phước M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Sương V và ông Phạm Phước M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 không có đăng ký kết hôn. Tại Khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…*" và Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…*".

Xét thấy, bà Trần Sương V và ông Phạm Phước M là người có đủ điều kiện kết hôn theo qui định pháp luật, trong quá trình chung sống ông, bà phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên, bà V và ông M đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông M và bà V không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bên cạnh

đó, trong thời gian chung sống giữa bà V và ông M bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2012, do đó bà V yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông M và ông M cũng đồng ý. Căn cứ khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Sương V và ông Phạm Phước M.

[3] Về con chung: Bà V và ông M chung sống có 03 (ba) con chung tên Phạm Thị Hoàng A, sinh năm 1988; Phạm Phước T, sinh năm 1990 và Phạm Gia A1, sinh năm 1994 (tất cả đều trưởng thành) tự lao động sinh sống được và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà V và ông M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà V và ông M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Sương V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Sương V và ông Phạm Phước M.

2. Về con chung: có 03 (ba) con chung tên Phạm Thị Hoàng A, sinh năm 1988; Phạm Phước T, sinh năm 1990 và Phạm Gia A1, sinh năm 1994 (tất cả đều trưởng thành) tự lao động sinh sống được và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà V và ông M xác định không có.

4. Về nợ chung: Bà V và ông M xác định không có.

5. Về án phí: Bà Trần Sương V có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án và được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm hôn nhân gia đình. Bà V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 8 –

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Trần Văn Thống